

Bản án số: 104/2017/HSST
Ngày 06 tháng 9 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Công Hạ,
2. Ông Nguyễn Văn Đông.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Yến và bà Đào Thị Lan Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Hợp Thành, huyện Thủy Nguyên, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 68/2017/HSST ngày 29 tháng 6 năm 2017, đối với các bị cáo:

1. Bùi Văn S, sinh năm 1978 tại Hải Phòng; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm 8, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; Trình độ văn hóa: 8/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Bùi Văn Đ và bà Trương Thị N; Có vợ Bùi Thị H và có 02 con; Nhân thân: Bản án số 31/HSST ngày 26/3/2002, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xử phạt 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội Bất giữ người trái pháp luật; Tiền án: Bản án số 19/HSST ngày 24/02/2014, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 03 năm tù về tội Mua bán trái phép vũ khí quân dụng (chưa xóa án tích do chưa thi hành xong hình phạt bổ sung); Tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 17 tháng 10 năm 2016 đến ngày 23 tháng 10 năm 2016 chuyển tạm giam; Có mặt.

2. Đỗ Văn D, sinh năm 1972 tại Hải Phòng; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn 2, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng; Trình độ văn hóa: 6/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Đỗ Văn P và bà Nguyễn Thị T; Có vợ Trần Thị H và có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 17 tháng 10 năm 2016 đến ngày 23 tháng 10 năm 2016 chuyển tạm giam; Có mặt.

3. Nguyễn Thị M (tên gọi khác: H), sinh năm 1984 tại Hải Phòng; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn 5, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; Trình độ văn hóa: 7/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị C;

Có chồng Đỗ Mạnh T, sinh năm 1981 (đã ly hôn) và có 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú do bị bệnh nặng (suy thận giai đoạn 4); Có mặt.

Người có quyền lợi liên quan: Anh Cao Văn H, sinh năm 1986; Địa chỉ: Xóm B, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Bùi Văn S, Đỗ Văn D và Nguyễn Thị M bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Hồi 21 giờ 30 phút ngày 16 tháng 10 năm 2016 Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện Thủy Nguyên kết hợp Trạm Cảnh sát nhân dân Quảng Thanh và Công an xã Quảng Thanh làm nhiệm vụ, phát hiện, bắt quả tang tại phòng hát số 2 (tầng 2) quán Karaoke Hát Cỏ thuộc thôn Trại, xã Quảng Thanh, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng có Đỗ Văn D đang bán trái phép chất ma túy cho Cao Văn H, sinh năm 1986 ở xã L, huyện T; Nguyễn Quyết T sinh năm 1990, ở xã K, huyện T và Bùi Trung C sinh năm 1998, ở xã H, huyện T. Thu tại bàn trong phòng hát 01 bộ đồ sử dụng ma túy đá tự chế và 01 bật lửa dạng khò; thu của Cao Văn H 01 túi nylon chứa tinh thể màu trắng, 01 điện thoại di động (số sim 0946.343.356) và 900.000 đồng; thu của Đỗ Văn D số tiền 660.000 đồng và 01 điện thoại di động (số sim 01628.970.076).

Quá trình bắt giữ, D khai nguồn gốc số ma túy D bán cho H, T, C là mua của Bùi Văn S và Nguyễn Thị M (người sống chung như vợ chồng với S). Lúc này, S đang ngồi chơi với Trần Đức T, sinh năm 1975, ở tại H, huyện T (bạn của S); Đinh Thị T, sinh năm 1979 ở tại xã P, huyện T (bạn gái của D) ở tầng 1 quán Karaoke Hát Cỏ. Cơ quan công an tiến hành kiểm tra thu giữ của S 01 gói giấy có chất bột màu hồng, 01 túi nylon bên trong chứa tinh thể màu trắng, số tiền 3.300.000 đồng, 02 điện thoại di động (01 điện thoại có số sim 0981.659.207, 01 điện thoại hồng không có sim).

Tiến hành kiểm tra quán Karaoke Hát Cỏ, tại phòng hát tầng 1 có các đối tượng: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1990, ở tại xã P, huyện T; Phạm Thị H, sinh năm 1984, ở tại xã L, huyện T; Nguyễn Thị L, sinh năm 1986, ở tại xã K, huyện T và Trương Văn S, sinh năm 1980, ở tại xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương đang ngồi hát.

Tổ công tác đã đưa S, D, H, Ch, T, T, T, Đ, H, L, S cùng vật chứng về trụ sở Ủy ban nhân dân xã Quảng Thanh, huyện Thủy Nguyên lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang.

Tiến hành khám xét khẩn cấp tại phòng ngủ của D ở quán Karaoke Hát Cỏ thu giữ: 01 túi nylon bên trong chứa tinh thể màu trắng, 01 nổ thủy tinh, 01 bật lửa ga; Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở và khu vực có liên quan của Bùi Văn S thu giữ: 02 túi nylon tinh thể trắng, 03 túi nylon chất bột màu trắng, 03 túi nylon chất bột màu hồng, 07 viên nén hình trụ (05 viên màu xám, 02 viên màu nâu), 435 viên nén hình trụ màu hồng, 02 lọ nhựa hình trụ, bên ngoài ghi chữ “Slush Power” (kích thước 7.5cm x 3.5 cm) chứa chất bột màu trắng, 02 lọ nhựa màu trắng hình trụ dán

tem đỏ ghi chữ “Màu nước thực phẩm Ocena màu hồng phấn” chứa dung dịch màu đỏ (kích thước 15cm x 4 cm), 01 lọ nhựa màu trắng dán tem ghi chữ oxy già, 01 lọ nhựa màu trắng có tem ghi số 502 bên trong chứa dung dịch màu trắng trong suốt (kích thước 8.5cm x 03cm), 01 lọ thủy tinh chứa dung dịch màu vàng (kích thước 06cm x 02cm), 01 lọ thủy tinh có tem ghi chữ “Rose pink” chứa dung dịch tối màu (kích thước 5.5cm x 03cm), 01 lọ nhựa có chữ Cồn 90⁰ chứa dung dịch màu trắng, 01 lọ nhựa màu trắng chứa dung dịch màu trắng, 01 lọ nhựa màu trắng nắp màu xanh chứa dung dịch màu vàng, 01 lọ nhựa màu trắng nắp đỏ chứa dung dịch màu vàng, 01 máy xay sinh tố, 04 bát sứ và 01 đĩa sứ có dính chất màu đỏ, 01 máy ép tự chế bằng kim loại, 01 mỏ lết, 01 búa, 02 cờ lê, 01 tuốc nơ vít, 01 túi vải, 01 kích thủy lực, 01 cân điện tử, 01 bộ đồ sử dụng ma túy đá tự chế.

Tại Bản Kết luận giám định số 137 ngày 20 tháng 10 năm 2016; Số 138 ngày 24 tháng 10 năm 2016; Số 221 ngày 02 tháng 11 năm 2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng và Số 5020 ngày 11 tháng 01 năm 2017 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: 01 túi nylon công an thu của Cao Văn H có trọng lượng 0,09 gam trong đó có 0,065 gam Methamphetamine; 01 túi nylon công an thu tại phòng ngủ của D ở quán karaoke Hát cỏ có trọng lượng 0,07 gam trong đó có 0,05 gam Methamphetamine; Các vật chứng thu của S gồm: 01 gói giấy bên trong chứa chất bột màu hồng thu giữ khi bắt quả tang Bùi Văn S có Methamphetamine không đủ điều kiện xác định trọng lượng; 01 túi nylon bên trong chứa tinh thể màu trắng có trọng lượng 0,87 gam có thành phần Vanillin không tìm thấy chất ma túy; 435 viên nén màu hồng hình trụ có trọng lượng 44,01 gam trong đó có 1,589 gam Methamphetamine và 03 túi nylon màu trắng bên trong chứa chất bột màu trắng có trọng lượng 940,89 gam trong đó thành phần chính là Caffeine không tìm thấy ma túy; 07 viên nén hình trụ 05 viên màu xám và 02 viên màu nâu có trọng lượng 1,63 gam trong đó có 0,0003 gam Methamphetamine và 01 túi nylon chứa tinh thể màu trắng có trọng lượng 5,92 gam không tìm thấy thành phần chất ma túy; 01 túi nylon màu trắng trong suốt bên trong chứa tinh thể màu trắng có trọng lượng 2,40 gam trong đó có 1,725 gam Methamphetamine, 03 túi nylon màu trắng bên trong chứa chất bột màu hồng có trọng lượng 215,83 gam trong đó có 7,395 gam Methamphetamine, chất bột màu hồng bám dính trên máy ép tự chế và máy xay sinh tố đều có dấu vết Methamphetamine và 01 lọ nhựa màu trắng dán tem ghi chữ oxy già không có thành phần ma túy; 01 lọ nhựa màu trắng chứa dung dịch màu trắng, có dung tích 280ml, có safrole nồng độ 45,4% là chất ma túy thuộc Danh mục số IV, số thứ tự 27, quy định tại Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ; 01 lọ thủy tinh chứa dung dịch màu vàng (kích thước 6cm x 2cm), có dung tích 12ml, có safrol nồng độ 91,5%; 02 lọ nhựa hình trụ, bên ngoài ghi chữ “Slush Power” chứa chất bột màu trắng có trọng lượng 61,850 gam không có thành phần ma túy; 02 lọ nhựa màu trắng hình trụ dán tem đỏ ghi chữ “Màu nước thực phẩm Ocena màu hồng phấn” chứa dung dịch màu đỏ có dung tích 145ml không có thành phần ma túy; 01 lọ thủy tinh có tem ghi chữ “Rose pink” chứa dung dịch tối màu có dung tích 40ml không có thành phần ma túy; 01 lọ nhựa có chữ Cồn 90⁰ chứa dung dịch màu trắng, có dung tích 242ml không có thành phần ma túy; 01 lọ nhựa màu trắng nắp màu xanh chứa dung dịch

màu vàng, có dung tích 72ml không có thành phần ma túy; 01 lọ nhựa màu trắng, nắp đỏ chứa dung dịch màu vàng, có dung tích 195ml không có thành phần ma túy.

Các mẫu nước tiểu của Đỗ Văn D, Bùi Văn S, Cao Văn H, Bùi Trung C, Nguyễn Quyết T, Trần Đức T và Đinh Thị T đều có dấu vết Methamphetamine; Các mẫu nước tiểu của Nguyễn Thị L, Phạm Thị H, Nguyễn Văn Đ, Trương Văn S không tìm thấy chất ma túy.

Cơ quan chức năng tiến hành kiểm tra đặc điểm tiền thu giữ của các đối tượng H, S, D xác định đều là tiền do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành; trong số tiền thu của Soát có 01 tờ polime tiền mệnh giá 500.000 đồng có ghi số điện thoại 0946.343.356 (số của H do Nguyễn Quyết T ghi).

Tại Cơ quan điều tra, Bùi Văn S, Đỗ Văn D và Nguyễn Thị M khai: D là chủ quán Karaoke Hát cỏ, S và D là bạn bè quen biết ngoài xã hội. S chung sống với M như vợ chồng ở thôn 8, xã H, huyện T. S quen biết với đối tượng tên là C ở thành phố Hồ Chí Minh (không xác định được căn cước lai lịch). S và C bàn bạc cùng nhau mua máy móc và các chất phụ gia để dập nén thành các viên “hồng phiến” mang bán ở Trung Quốc, Lào kiếm lời. S và C phân công nhau, S là người vận chuyển ma túy ra cửa khẩu Móng Cái, còn C sẽ tìm các đầu mối bán sang Trung Quốc và Lào, tiền kiếm được chia nhau sử dụng. C là người trực tiếp đi mua các thiết bị để lắp máy dập nén ma túy, mua các chất phụ gia để trộn với Methamphetamine để dập nén thành các viên “hồng phiến”. S mua ô xi già, còn, chất tạo màu để C pha trộn ma túy đồng thời giúp C nấu nướng ăn uống. S đồng ý và thuê phòng 201 nhà nghỉ Thùy Dung ở xã Quảng Thanh, huyện Thủy Nguyên cho C ở. Tại đây, C là người trực tiếp thực hiện hoạt động pha trộn các chất phụ gia với ma túy đá rồi cho vào máy xay sinh tố để trộn đều thành hỗn hợp dạng bột nhão, sau đó cho vào máy dập nén tạo khuôn hình dạng viên hình trụ màu hồng. C xếp các viên “hồng phiến” ra khay, bật điều hòa hong khô, S không biết công thức pha trộn ma túy. Mỗi lần ép được khoảng 30 viên “hồng phiến”. C và S đã nhiều lần cùng nhau sử dụng thử ma túy “hồng phiến” do hai người pha trộn, thấy có hiệu quả. Cả hai cùng nhau trộn được khoảng hơn 300 viên hồng phiến thì phát sinh mâu thuẫn do không có tiền ăn tiêu sinh hoạt. C bỏ đi để lại toàn bộ máy móc và các hợp chất ở nhà nghỉ Thùy Dung. Thấy vậy, S đã mang toàn bộ máy dập nén cùng các chất phụ gia, ma túy C để lại về nhà mình cất giấu. S trực tiếp dập nén được khoảng 60 đến 70 viên “hồng phiến”. Nguồn gốc số ma túy đá S bán cho D và các đối tượng khác là do C để lại. M ở cùng S biết việc S dập nén ma túy “hồng phiến” để bán. M giúp S bán ma túy cho D 01 lần vào ngày 14 tháng 10 năm 2016. S chỉ thừa nhận đã bán ma túy cho D vào ngày 14 tháng 10 năm 2016 và bán cho Trần Thị Phương T (tức N) sinh năm 1984, ở tại thôn T xã Q, huyện T vào ngày 16 tháng 10 năm 2016. S không nhận việc bán ma túy cho D để D bán cho H, C, T ngày 16 tháng 10 năm 2016, cụ thể như sau: Khoảng 21 giờ ngày 14 tháng 10 năm 2016, S bán cho D 01 túi ma túy đá giá 300.000 đồng; Do S không có nhà nên đã gọi điện thoại cho M bảo M đưa ma túy cho D, M giao ma túy cho D và nhận tiền ăn tiêu hết. D mang số ma túy này bán cho H, C và Nguyễn Văn H sinh năm 1982, ở tại xã Gia Đ, huyện T với giá 500.000 đồng. Khoảng 18 giờ ngày 16 tháng 10 năm 2016, S bán cho T 01 gói ma túy đá giá 300.000 đồng tại nhà trọ của T. Đến

khoảng 21 giờ 30 phút ngày 16 tháng 10 năm 2016, H, T và C thỏa thuận cùng nhau đi mua ma túy vừa hát karaoke vừa sử dụng, mỗi người góp 500.000 đồng. H cầm 1.500.000 đồng, gọi điện thoại cho D hỏi mua một túi ma túy đá giá 500.000 đồng. D đồng ý và hẹn giao dịch ở quán Karaoke Hát Cỏ, tại đây H đưa cho D 600.000 đồng (gồm 01 tờ 500.000 đồng có ghi số điện thoại, 01 tờ 100.000 đồng) để mua ma túy. Do D không có ma túy nên bảo S bán cho D 01 túi ma túy đá giá 500.000 đồng, S đồng ý. D đưa cho S tờ tiền 500.000 đồng có ghi số điện thoại vừa nhận của H, S nhận tiền và đưa ma túy cho D. D mang gói ma túy S đưa về phòng ngủ của mình sẽ lại một ít vừa để dùng riêng vừa để bán cho các đối tượng có nhu cầu, phần còn lại D mang đưa cho H thì bị công an bắt quả tang cùng vật chứng.

Tại Cơ quan công an: Cao Văn H, Bùi Trung C, Nguyễn Quyết T, Nguyễn Văn H, Trần Thị Phương T khai nhận như nội dung nêu trên. T còn khai do mới quen H lần đầu, T xin số điện thoại của H và ghi vào tờ tiền 500.000 đồng của mình. Sau đó, cả bọn thỏa thuận góp tiền mua ma túy, T đã đưa tờ tiền của mình có ghi số điện thoại của H để mua ma túy. Ngoài ra, H, C, H khai có gửi D 01 bộ đồ sử dụng ma túy đá tự chế. Trần Đức T và Đinh Thị T khai không liên quan đến việc mua bán ma túy của S và D, lý do trong nước tiểu của T, T có Methamphetamine là do T, T sử dụng trước đó vài ngày.

Vật chứng của vụ án gồm: Số ma túy còn lại sau giám định, số tiền 4.860.000 đồng (trong đó 3.300.000 đồng của S, 660.000 đồng của D, 900.000 đồng của H), 04 điện thoại di động, 02 bật lửa gas dạng khò, 02 bộ đồ sử dụng ma túy đá tự chế, 01 nỏ thủy tinh, 01 máy xay sinh tố, 04 bát sứ, 01 máy ép tự chế bằng kim loại, 01 mỏ lết, 01 búa, 02 cờ lê, 01 tuốc nơ vít, 01 túi vải thể thao, 01 kích thủy lực, 01 cân điện tử, 02 lọ nhựa hình trụ, bên ngoài ghi chữ “Slush Power”; 02 lọ nhựa màu trắng hình trụ dán tem đỏ ghi chữ “Màu nước thực phẩm Ocena màu hồng phấn”, 01 lọ nhựa màu trắng có tem ghi số 502, 01 lọ thủy tinh chứa dung dịch màu vàng, 01 lọ thủy tinh có tem ghi chữ “Rose pink”, 01 lọ nhựa có chữ Còn 90⁰, 01 lọ nhựa màu trắng chứa dung dịch màu trắng, 01 lọ nhựa màu trắng nắp màu xanh chứa dung dịch màu vàng, 01 lọ nhựa màu trắng, 01 lọ nắp đỏ chứa dung dịch màu vàng.

Bản Cáo trạng số 98/CT-VKS ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên đã truy tố Bùi Văn S, Đỗ Văn D và Nguyễn Thị M về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo Điều 194 của Bộ luật hình sự (BLHS); Bùi Văn S và Đỗ Văn D vi phạm điểm b khoản 2 Điều 194 Nguyễn Thị M vi phạm khoản 1 Điều 194 của BLHS.

Tại phiên tòa bị cáo Bùi Văn S, Đỗ Văn D và Nguyễn Thị M khai nhận và thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Đối với số tiền 3.300.000 đồng thu của bị cáo S, bị cáo khai do anh họ là Trương Văn T cho để đóng học cho con, không liên quan đến việc phạm tội, đề nghị được trả lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Bùi Văn S, Đỗ Văn D và Nguyễn Thị M về tội Mua bán trái phép chất ma túy và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194, các

Điều 20, 33, 53, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46 của BLHS xử phạt bị cáo Bùi Văn S từ 09 năm 06 tháng đến 10 năm 06 tháng tù; Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194, các Điều 20, 33, 53, điểm p khoản 1 Điều 46 của BLHS xử phạt bị cáo Đỗ Văn D từ 08 đến 09 năm tù; Áp dụng khoản 1 Điều 194, các Điều 20, 33, 53, điểm p khoản 1 Điều 46 của BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M từ 30 đến 30 tháng tù; Không phạt tiền các bị cáo; Về vật chứng của vụ án, đề nghị áp dụng Điều 41 của BLHS và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS): Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định, 02 bật lửa gas dạng khò, 02 bộ đồ sử dụng ma túy đá tự chế, 01 nỏ thủy tinh, 01 máy xay sinh tố, 04 bát sứ, 01 máy ép tự chế bằng kim loại, 01 mỏ lết, 01 búa, 02 cờ lê, 01 tuốc nơ vít, 01 túi vải thể thao, 01 kích thủy lực, 01 cân điện tử, 02 lọ nhựa hình trụ, bên ngoài ghi chữ “Slush Power”, 02 lọ nhựa màu trắng hình trụ dán tem đỏ ghi chữ “Màu nước thực phẩm Ocena màu hồng phấn”, 01 lọ nhựa màu trắng có tem ghi số 502, 01 lọ thủy tinh chứa dung dịch màu vàng, 01 lọ thủy tinh có tem ghi chữ “Rose pink”, 01 lọ nhựa có chữ Cồn 90⁰, 01 lọ nhựa màu trắng chứa dung dịch màu trắng, 01 lọ nhựa màu trắng nắp màu xanh chứa dung dịch màu vàng, 01 lọ nhựa màu trắng, 01 lọ nắp đỏ chứa dung dịch màu vàng; Tịch thu nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 500.000 đồng do bị cáo S bán ma túy cho bị cáo D và 100.000 đồng do bị cáo D hưởng lợi từ việc bán lại ma túy cho H; Tịch thu phát mại sung công quỹ Nhà nước 03 điện thoại di động (01 chiếc của bị cáo S đang sử dụng, 01 chiếc của bị cáo D, 01 chiếc của H); Truy thu nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 300.000 đồng của bị cáo S, 200.000 đồng của bị cáo D và 300.000 đồng của bị cáo M do bán ma túy mà có; Trả lại cho bị cáo S số tiền 2.500.000 đồng, trả lại cho bị cáo D số tiền 360.000 đồng nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án; Trả lại cho bị cáo S 01 điện thoại bị hỏng không có sim, trả lại cho anh Cao Văn H số tiền 900.000 đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Lời khai của bị cáo Bùi Văn S, Đỗ Văn D và Nguyễn Thị M tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và các chứng cứ khác có trong hồ sơ, đủ căn cứ kết luận: Hành vi bán chất ma túy của các bị cáo đã phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy theo Điều 194 của BLHS. Bị cáo Bùi Văn S đã cùng M bán ma túy cho D ngày 14 tháng 10 năm 2016, bán cho T ngày 16 tháng 10 năm 2016; bị cáo Đỗ Văn D bán ma túy cho H, C, H, T vào các ngày 14 và 16 tháng 10 năm 2016 là phạm tội nhiều lần nên vi phạm điểm b khoản 2 Điều 194 của BLHS; Bị cáo Nguyễn Thị M đã cùng S bán ma túy cho D ngày 14 tháng 10 năm 2016 nên vi phạm khoản 1 Điều 194 của BLHS. Cáo trạng số 98/CT-VKS ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên truy tố các bị cáo như đã nêu trên là đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, vi phạm các chính sách pháp luật của Nhà nước về phòng chống ma túy. Hiện nay ma túy là hiểm họa đối với con người, tác động xấu

đến kinh tế, xã hội, an ninh trật tự, đạo đức, lối sống, văn hóa, hạnh phúc gia đình. Các bị cáo nhận thức rõ tác hại của ma túy nhưng không có ý thức ngăn chặn, đẩy lùi ra khỏi đời sống xã hội mà vẫn ngang nhiên mua, bán kiếm lời và làm cho người khác mắc nghiện. Vì vậy cần phải có hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo để cải tạo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân: Bị cáo S năm 2014 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh kết án chưa được xóa án tích, nay lại phạm tội do cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của BLHS; Bị cáo D và M không có tình tiết tăng nặng; Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của BLHS.

Vụ án có đồng phạm, bị cáo S thực hành tội phạm tích cực, tự chế ma túy để bán và giao cho người khác bán nên giữ vai trò chính; Bị cáo D bán ma túy cho S và mua ma túy để bán cho các đối tượng khác kiếm lời; Bị cáo M chung sống với S và giúp S bán ma túy. Vì vậy, vai trò của bị cáo S là cao nhất, vai trò của bị cáo D cao hơn bị cáo M.

Từ phân tích trên, cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo, xử phạt bị cáo S mức án cao hơn mức khởi điểm và xử phạt bị cáo D, M với mức án bằng mức khởi điểm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Về xử lý vật chứng: Số ma túy còn lại sau giám định, 02 bật lửa gas dạng khò, 02 bộ đồ sử dụng ma túy đá tự chế, 01 nổ thủy tinh, 01 máy xay sinh tố, 04 bát sứ, 01 máy ép tự chế bằng kim loại, 01 mỏ lết, 01 búa, 02 cờ lê, 01 tuốc nơ vít, 01 túi vải thể thao, 01 kích thủy lực, 01 cân điện tử, 02 lọ nhựa hình trụ, bên ngoài ghi chữ “Slush Power”, 02 lọ nhựa màu trắng hình trụ dán tem đỏ ghi chữ “Màu nước thực phẩm Ocena màu hồng phấn”, 01 lọ nhựa màu trắng có tem ghi số 502, 01 lọ thủy tinh chứa dung dịch màu vàng, 01 lọ thủy tinh có tem ghi chữ “Rose pink”, 01 lọ nhựa có chữ Cồn 90⁰, 01 lọ nhựa màu trắng chứa dung dịch màu trắng, 01 lọ nhựa màu trắng nắp màu xanh chứa dung dịch màu vàng, 01 lọ nhựa màu trắng, 01 lọ nắp đỏ chứa dung dịch màu vàng; đây là vật chứng của vụ án, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với số tiền các bị cáo có được từ hành vi thu lợi bất chính (bị cáo S thu lợi 300.000 đồng, bị cáo D thu lợi 200.000 đồng, bị cáo M thu lợi 300.000 đồng) cần truy thu để nộp sung quỹ Nhà nước. Số tiền 500.000 đồng do bị cáo S bán ma túy cho bị cáo D và 100.000 đồng do bị cáo D hưởng lợi từ việc bán lại ma túy cho H là tiền thu lợi bất chính, cần tịch thu nộp sung quỹ Nhà nước. Số tiền 3.300.000 đồng thu của S đủ căn cứ xác định có 800.000 đồng là liên quan đến tiền do bán ma túy mà có, số tiền 660.000 đồng thu của D chỉ đủ căn cứ xác định có 300.000 đồng là liên quan đến tiền do bán ma túy mà có, số tiền 900.000 đồng thu của H xác định được không liên quan đến việc mua bán ma túy; Vậy, cần trả lại cho bị cáo S 2.500.000 đồng, trả lại cho bị cáo D 360.000 đồng, trả lại cho Cao Văn H số tiền 900.000 đồng; đối với số tiền trả lại cho bị cáo S và D, do các bị cáo còn phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản nên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án. Đối với 03 chiếc điện thoại di động (01 chiếc của S có lắp sim số 0946343356, 01 chiếc của D, 01 chiếc của H) đã dùng để liên lạc

mua bán ma túy nên cần tịch thu phát mại nộp sung quỹ Nhà nước; 01 chiếc điện thoại của bị cáo S bị hỏng, không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Đối với Cao Văn H, Nguyễn Quyết T, Bùi Trung C, Nguyễn Văn H và Trần Thị Phương T có hành vi mua ma túy của D, S để sử dụng nhưng do lượng ma túy công an thu giữ của H, C, T không đủ để truy cứu trách nhiệm hình sự, và không thu giữ được ma túy của T, H nên Công an huyện Thủy Nguyên đã xử phạt hành chính là phù hợp pháp luật.

Đối tượng tên C, quá trình điều tra không xác định được căn cước lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thủy Nguyên tách ra tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau là phù hợp pháp luật.

Đối với Trần Đức T và Đinh Thị T do kết quả kiểm tra nước tiểu có ma túy là Methamphetamine. T và T không liên quan đến hành vi phạm tội của S, D, M nên Cơ quan Công an huyện Thủy Nguyên đã xử lý hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là phù hợp pháp luật.

Các đối tượng Nguyễn Thị L, Phạm Thị H, Nguyễn Văn Đ, Trương Văn S bị công an kiểm tra khi bắt quả tang, không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan Công an huyện Thủy Nguyên không xử lý là đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn S, Đỗ Văn D và Nguyễn Thị M phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194, Điều 53, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Văn S 10 (Mười) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 17 tháng 10 năm 2016.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194, Điều 53, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đỗ Văn D 08 (Tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù ngày bị tạm giữ là ngày 17 tháng 10 năm 2016.

Áp dụng khoản 1 Điều 194, Điều 53, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M 30 (Ba mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định, 02 bật lửa gas dạng khò, 02 bộ đồ sử dụng ma túy đá tự chế, 01 nỏ thủy tinh, 01 máy xay sinh tố, 04 bát sứ, 01 máy ép tự chế bằng kim loại, 01 mỏ lết, 01 búa, 02 cờ lê, 01 tuốc nơ vít, 01 túi vải thể thao, 01 kích thủy lực, 01 cân điện tử, 02 lọ nhựa hình trụ, bên ngoài ghi chữ “Slush Power”, 02 lọ nhựa màu trắng hình trụ dán tem đỏ ghi chữ “Màu nước thực phẩm Ocena màu hồng phấn”, 01 lọ nhựa màu trắng có tem ghi số 502, 01 lọ thủy tinh chứa dung dịch màu vàng, 01 lọ thủy tinh có tem ghi chữ “Rose pink”, 01 lọ nhựa có chữ Cồn 90⁰, 01 lọ nhựa màu trắng chứa dung dịch

màu trắng, 01 lọ nhựa màu trắng nắp màu xanh chứa dung dịch màu vàng, 01 lọ nhựa màu trắng, 01 lọ nắp đỏ chứa dung dịch màu vàng. Truy thu của bị cáo S 300.000 đồng (được trừ vào số tiền thu giữ 3.300.000 đồng), của bị cáo D 200.000 đồng (được trừ vào số tiền thu giữ 660.000 đồng), của bị cáo M 300.000 đồng để nộp sung quỹ Nhà nước. Tịch thu nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 500.000 đồng thu của bị cáo S (được trừ vào số tiền thu giữ 3.300.000 đồng), 100.000 đồng thu của bị cáo D (được trừ vào số tiền thu giữ 660.000 đồng). Tiếp tục tạm giữ của bị cáo S số tiền 2.500.000 đồng, của bị cáo D số tiền 360.000 đồng để đảm bảo việc thi hành án. Tịch thu phát mại nộp sung quỹ Nhà nước 03 chiếc điện thoại di động (01 chiếc của S có lắp sim số 0946343356, 01 chiếc của D, 01 chiếc của H). Trả lại cho anh Cao Văn H số tiền 900.000 đồng, trả lại cho bị cáo S 01 chiếc điện thoại di động bị hỏng (Chi tiết tại Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28 tháng 7 năm 2017 và Biên lai thu tiền số 0000711 ngày 27 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên).

Về lãi suất chậm thi hành án đối với khoản tiền bị truy thu: Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Bị cáo Bùi Văn S, Đỗ Văn D và Nguyễn Thị M mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày bản án được giao cho hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- Công an thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- PV 27 Công an thành phố Hải Phòng;
- Công an huyện Thủy Nguyên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu toà, hồ sơ;
- Trại tạm giam.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Văn Dũng

